

CÁC MÁC, TRIẾT HỌC MÁC VÀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY

ĐẶNG HỮU TOÀN(*)

Trong bài viết này, sau khi trình bày một cách ngắn gọn về cuộc đời hoạt động cách mạng và sự nghiệp sáng tạo lý luận của C.Mác, về học thuyết Mác và vận mệnh lịch sử của nó, bản chất cách mạng và tính khoa học của chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng, tác giả đã tập trung luận giải: 1. Phép biện chứng duy vật với tư cách một khoa học, linh hồn sống của triết học Mác; 2. Quan niệm duy vật về lịch sử với tư cách phát kiến vĩ đại của tư tưởng khoa học mà nội dung cốt lõi của nó là học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội; 3. Học thuyết Mác về con người và giải phóng con người, giải phóng nhân loại với tư cách mục đích cuối cùng, tối cao của triết học Mác. Phần cuối cùng của bài viết, tác giả nói về ý nghĩa thời đại, sức sống trường tồn của triết học Mác và vai trò kim chỉ nam, giá trị định hướng của nó đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Mày 5 tháng 5 năm 1818 đã, đang và mãi đi vào lịch sử nhân loại với tư cách ngày ra đời một vĩ nhân, nhà tư tưởng thiên tài, nhà cách mạng vĩ đại, người sáng lập học thuyết khoa học và cách mạng nhất trong mọi thời đại - *Các Henrich Mác*.

Với những cống hiến lý luận mang ý nghĩa và giá trị vạch thời đại, với tư cách một nhà cách mạng kiên định, một lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản - giai cấp công nhân toàn thế giới, C.Mác đã đi vào lịch sử nhân loại như một trong những vĩ nhân nổi trội nhất trong hàng ngũ những vĩ nhân ở mọi thời đại. Gắn liền với tên tuổi của C.Mác và mang tên C.Mác là một thế giới quan tiên tiến nhất, thật sự cách mạng, thật sự khoa học - *thế giới quan duy vật biện chứng*, thế giới quan có khả năng đem lại cho nhân loại tiến bộ và giai cấp công nhân cách mạng toàn thế giới một "công cụ nhận thức vĩ đại" để "cải tạo thế giới" trong thời đại ngày nay.

Gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của C.Mác là chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành một khoa học, một học thuyết luận chứng một cách toàn diện và sâu sắc về

phương diện lý luận cho công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới mà sứ mệnh lịch sử của nó thuộc về giai cấp công nhân cách mạng.

Không chỉ thế, gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của C.Mác là sự ra đời của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là phong trào tự phát của giai cấp công nhân trở thành một cuộc đấu tranh tự giác nhằm cải tạo xã hội bằng cách mạng, theo những nguyên lý nền tảng của một học thuyết thật sự khoa học, dưới sự lãnh đạo của các chính đảng cách mạng của nó.

Trong toàn bộ lịch sử tư tưởng cải biến xã hội suốt nhiều thế kỷ, không một tư tưởng nào, học thuyết nào có thể sánh kịp tư tưởng, học thuyết của C.Mác về phương diện *khoa học* và *cách mạng*. Bằng việc phát hiện ra những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng nhân loại, C.Mác đã chỉ ra cho giai cấp vô sản và nhân loại tiến bộ toàn thế giới những *con đường* và *biện pháp hiện thực để tự giải phóng* khỏi ách áp bức về mặt xã hội và tạo ra những điều kiện, tiền đề cho một cuộc sống thật sự mang tính người - cuộc sống với chữ Người

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó tổng biên tập Tạp chí Triết học.

viết hoa, cho hạnh phúc, cho sự phát triển tự do và toàn diện mọi năng khiếu thể chất và tinh thần của mỗi người.

Học thuyết khoa học và cách mạng của C.Mác đã được hình thành và phát triển trong bối cảnh hiện thực của châu Âu giữa thế kỷ XIX. Song, sự hình thành và phát triển của học thuyết đó không phải là tách rời những trào lưu trước đó của tư tưởng xã hội, không phải ở bên ngoài con đường phát triển của nền văn minh nhân loại. Nó là sự kế thừa hợp pháp của tất cả những gì ưu tú nhất mà nhân loại đã sáng tạo ra trong lĩnh vực nhận thức tự nhiên và đời sống xã hội. Nó đã dựa trên tất cả những thành tựu của tư tưởng xã hội, đặc biệt là trên những thành tựu của triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.

Tất cả những gì hợp lý trong các trào lưu tiên tiến của tư tưởng xã hội đều được C.Mác tiếp thu, kế thừa một cách có phê phán và kiểm nghiệm chúng qua phong trào vô sản, qua thực tiễn đấu tranh cách mạng của bản thân mình và xây dựng lại một cách sáng tạo theo lập trường của giai cấp vô sản cách mạng. Đánh giá một cách rõ ràng và sâu sắc ý nghĩa và giá trị trong những phát kiến khoa học của C.Mác đối với phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và nhân loại tiến bộ, V.I.Lênin đã quả quyết khẳng định: "Chỉ có chủ nghĩa duy vật triết học của Mác là đã chỉ cho giai cấp vô sản con đường phải theo để thoát khỏi chế độ nô lệ về tinh thần, trong đó tất cả các giai cấp bị áp bức đã sống lay lắt từ trước tới nay. Chỉ có học thuyết kinh tế của Mác là đã giải thích được địa vị thực sự của giai cấp vô sản trong toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa"(1).

Việc vạch trần những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản đã đưa C.Mác đến kết luận khoa học rằng, *sự diệt vong của xã hội tư sản và sự ra đời của chế độ xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa đều là tất yếu như nhau*. Và, trên cơ sở phân tích một

cách sâu sắc quá trình phát triển của các quan hệ xã hội, C.Mác đã đi đến nhận thức đúng đắn về vai trò lịch sử vĩ đại của giai cấp vô sản toàn thế giới với tư cách lực lượng có khả năng cải tạo tận gốc các quan hệ xã hội, thủ tiêu tình trạng người bóc lột người và xây dựng chế độ xã hội mới, tự giải phóng mình và qua đó, giải phóng nhân loại.

Không chỉ khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, bằng sự phân tích khoa học sâu sắc, C.Mác đã chứng minh rằng, *chủ nghĩa cộng sản* không phải là điều mong ước của những người mơ mộng, mà là *một sự vận động lịch sử hiện thực* nhằm xóa bỏ thể chế xã hội hiện tồn. "Đối với chúng ta, - C.Mác nhấn mạnh, - chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay"(2).

Không ai khác ngoài C.Mác đã phát hiện ra quy luật tiến hóa của lịch sử nhân loại đương đại. Và, cũng chính C.Mác đã luận giải một cách sâu sắc và chứng minh một cách có luận cứ cho khả năng trở thành hiện thực của quy luật tiến hóa đó trong một học thuyết cách mạng triệt để và khoa học thật sự mang tên ông, trên cơ sở của thế giới quan duy vật biện chứng. Đúng như Ph.Ăngghen, khi khẳng định phát kiến lớn lao này của C.Mác, đã viết: "Trên hành tinh của chúng ta, Sáclo Đácuyen đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ. Mác đã phát hiện ra quy luật cơ bản chi phối sự vận động và phát triển của lịch sử loài người"(3).

C.Mác, như Ph.Ăngghen đã khẳng định, "là một trong những người lỗi lạc

(1) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.23. Nxb.Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr.57-58.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.51.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.19, tr.496.

hiếm có trong suốt cả một thế kỷ". Nhìn lại sự nghiệp sáng tạo lý luận và cuộc đời hoạt động cách mạng của C.Mác, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định rằng, ông không chỉ là nhà bác học anh minh, nhà tư tưởng thiên tài, mà còn là một nhà cách mạng triệt để, đầy nhiệt huyết. Những phẩm chất cao quý đó thống nhất làm một trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng và sáng tạo lý luận của C.Mác. Cố gắng lý luận và sức sống tư tưởng của C.Mác cũng chính là cố gắng và sức sống của sự nghiệp cách mạng - "sự nghiệp chân chính" mà ông suốt đời theo đuổi.

C.Mác, như Ph.Ăngghen nhận xét, còn là "con người của khoa học". Với C.Mác, khoa học là "một động lực lịch sử, một lực lượng cách mạng" và do vậy, ông đã ra sức vận dụng những kiến thức mà nhân loại tích lũy được vào tất cả các lĩnh vực mà ông am hiểu, "đặc biệt là trong lịch sử", với một khát vọng lớn lao là đem khoa học phục vụ những người bị áp bức và biến khoa học đó thành một vũ khí trong tay bản thân quần chúng nhân dân lao động.

Toàn bộ sự nghiệp sáng tạo lý luận và cuộc đời hoạt động cách mạng với tư cách nhà bác học anh minh, nhà tư tưởng thiên tài, nhà cách mạng vĩ đại đã đem lại cho C.Mác vinh quang tột đỉnh của một vĩ nhân nổi trội nhất trong mọi thời đại và trở thành một mẫu mực về tính khoa học và tình cảm cách mạng hết sức cao đẹp của một con người luôn lấy đấu tranh cho tự do và hạnh phúc của nhân loại tiến bộ làm lẽ sống, lý tưởng và sứ mệnh của cả cuộc đời.

Với tư cách nhà tư tưởng của giai cấp vô sản cách mạng toàn thế giới, trong suốt cuộc đời tìm tòi và sáng tạo lý luận cho giai cấp mà chính C.Mác đã trở thành lãnh tụ, C.Mác không chỉ kế thừa và tiếp thu, mà còn phát triển sáng tạo tất cả những gì tiến bộ, hợp lý trong các trào lưu tư tưởng xã hội tiên tiến của nhân

loại, đồng thời luôn kiểm nghiệm chúng trong thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản thế giới và của chính bản thân mình. Và, chính việc luôn tuân thủ một cách nghiêm ngặt sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn này đã đem lại cho C.Mác vinh quang của một người sáng lập học thuyết vừa mang tính khoa học, vừa mang bản chất cách mạng, có khả năng làm thay đổi đời sống hiện thực của cả nhân loại trong thời đại ngày nay. Cũng chính vì vậy mà học thuyết Mác không chỉ mang *giá trị lịch sử*, mà còn mang *ý nghĩa vạch thời đại*, trở thành kim chỉ nam, thành vũ khí lý luận sắc bén trong cuộc đấu tranh tự giải phóng và giải phóng nhân loại của giai cấp vô sản toàn thế giới, thành cương lĩnh, nguyên tắc hành động của các Đảng Cộng sản và Công nhân trên toàn thế giới. Nói về cố gắng vĩ đại này của C.Mác, V.I.Lênin đã khẳng định: "Toàn bộ thiên tài của Mác chính là ở chỗ ông đã giải đáp được những vấn đề mà tư tưởng tiên tiến của nhân loại nêu ra... Học thuyết C.Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác. Nó là một học thuyết hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thế lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản"(4). Và, khi nói về giá trị, tính khoa học và bản chất cách mạng của học thuyết Mác, V.I.Lênin đã khẳng định rằng, toàn bộ giá trị của học thuyết Mác là ở chỗ, lý luận đó "về bản chất là một lý luận có tính chất phê phán và cách mạng". Sự phê phán đó là "sự phê phán duy vật chủ nghĩa", sự phê phán duy nhất mà C.Mác coi là "có tính chất khoa học" và do vậy, nó mang lại cho học thuyết Mác, về bản chất, là cách mạng. Tính khoa học và tính cách mạng - đó là

(4) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.23, tr.49-50.

những cái "hoàn toàn và tuyệt đối vốn có của chủ nghĩa Mác". Rằng, "sức hấp dẫn không gì cưỡng nổi đã lôi cuốn những người xã hội chủ nghĩa của tất cả các nước đi theo lý luận đó, chính là ở chỗ nó kết hợp tính chất khoa học chặt chẽ và cao độ (đó là đỉnh cao nhất của khoa học xã hội) với tinh thần cách mạng, và kết hợp không phải một cách ngẫu nhiên, không phải chỉ vì người sáng lập ra học thuyết ấy đã kết hợp trong bản thân mình những phẩm chất của nhà bác học và của nhà cách mạng, mà là kết hợp trong chính bản thân lý luận ấy, một sự kết hợp nội tại và khăng khít"(5).

Như vậy, theo V.I.Lênin, cái hạt nhân làm nên tính khoa học và bản chất cách mạng của học thuyết Mác, chủ nghĩa Mác chính là *thế giới quan duy vật biện chứng* của C.Mác - cái thế giới quan mà với nó, ông đã cùng với Ph.Ăngghen xây dựng nên học thuyết triết học mới, trong đó chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng thống nhất với nhau một cách hữu cơ thành một hệ thống chỉnh thể - *chủ nghĩa duy vật biện chứng*, một hình thức mới, một giai đoạn phát triển cao của chủ nghĩa duy vật triết học.

Khi xây dựng hệ thống triết học của mình với tư cách "linh hồn sống" của một học thuyết cách mạng triệt để và khoa học thật sự, C.Mác không chỉ kế thừa một cách có chọn lọc và phê phán những thành tựu của tư duy nhân loại, những thành quả sáng tạo lý luận của các nhà triết học trong lịch sử triết học nhân loại, trực tiếp nhất là phép biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc, mà còn khái quát hóa những thành tựu mới nhất của khoa học đương thời, cũng như thực tiễn lịch sử nhân loại mà trước hết, là thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản toàn thế giới. Do vậy, có thể nói, *sự ra đời của triết học Mác là một tất yếu lịch sử* không những vì nó là sự phản ánh khách quan thực

tiễn xã hội, mà còn là *đỉnh cao của sự kết hợp* lôgic của lịch sử tư tưởng nhân loại, cũng như V.I.Lênin đã khẳng định: "Triết học và lịch sử khoa học xã hội đã chứng tỏ một cách hết sức rõ ràng rằng, chủ nghĩa Mác nói chung, triết học của ông nói riêng "không có gì giống "chủ nghĩa bè phái" hiểu theo nghĩa một học thuyết đóng kín và cứng nhắc, nảy sinh ở ngoài con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới"(6).

Triết học Mác ra đời đã khắc phục được sự tách rời thế giới quan duy vật và phép biện chứng. Song, nó không phải là sự "lắp ghép" đơn thuần phép biện chứng với đỉnh cao là phép biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật với đỉnh cao là chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc. Để xây dựng triết học duy vật biện chứng, C.Mác đã phải tiến hành *phê phán và cải tạo triệt để* phép biện chứng duy tâm của Hêghen và chủ nghĩa duy vật siêu hình của Phoiơbắc, *tạo ra một phương pháp tư duy biện chứng "không những khác phương pháp của Hêghen về cơ bản, mà còn đối lập hẳn với phương pháp ấy"*(7) và *giải thoát* chủ nghĩa duy vật khỏi tính hạn chế siêu hình vốn có, tính hạn chế "đặc thù" của nó, làm cho nó trở nên "hoàn bị" và được mở rộng "từ chỗ nhận thức giới tự nhiên đến chỗ nhận thức xã hội loài người", *sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách "thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học"*(8).

Trên cơ sở giải quyết một cách đúng đắn, thực sự khoa học "vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại" - vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại, giữa vật chất và ý thức, C.Mác đã không chỉ xây dựng nên một hệ thống triết học mới, trong đó chủ nghĩa duy vật

(5) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.1, tr.421.

(6) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.23, tr.49.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.35.

(8) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.23, tr.53.

biện chứng thống nhất với phép biện chứng duy vật thành một chỉnh thể, mà còn đưa ra tuyên ngôn của một nền triết học hành động, triết học thực tiễn, khi khẳng định hoạt động của con người là "hoạt động *khách quan*", hoạt động thực tiễn và "vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan không, hoàn toàn không phải là một vấn đề lý luận mà là một vấn đề *thực tiễn*" và "chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình"(9). Rằng, triết học phải lấy sinh khí của mình và tự tạo ra sinh khí đó từ thực tiễn và do vậy vai trò xã hội của nó, vị trí không thể thay thế của nó trong hệ thống tri thức khoa học, cũng như sứ mệnh lịch sử lớn lao của nó trong đời sống nhân loại không phải là ở chỗ "*giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, mà là ở chỗ "*cải tạo* thế giới" bằng cách mạng"(10).

Ở Hêghen, "phép biện chứng bị lộn ngược đầu xuống đất", C.Mác đã "đựng nó lại" và bằng cách này, ông đã "phát hiện được cái hạt nhân hợp lý của nó ở đằng sau lớp vỏ thần bí". Và, "dưới dạng hợp lý của nó", phép biện chứng của C.Mác đã "đem lại sự giận dữ và kinh hoàng cho giai cấp tư sản và bọn tư tưởng gia giáo điều của chúng", bởi "trong quan niệm tích cực về cái hiện đang tồn tại", phép biện chứng ấy cũng đồng thời "bao hàm cả quan niệm về sự phủ định cái hiện đang tồn tại đó, về sự diệt vong tất yếu của nó"; bởi "mỗi hình thái đã hình thành" đều được nó xem xét "trong sự vận động, tức là xét cả mặt nhất thời của hình thái đó"; và bởi, với phép biện chứng ấy, không một cái gì khiến nó phải "khuất phục" và, "về thực chất", nó mang "tính chất phê phán và cách mạng"(11).

Trên cơ sở khái quát những thành quả mới nhất của khoa học đương thời và xác định đúng đắn những quy luật vận động

và phát triển chung nhất của thế giới, đồng thời phân định rõ và tìm ra sự thống nhất về cơ bản giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan, C.Mác không chỉ cải tạo triết để phép biện chứng duy tâm khách quan mà đỉnh cao là ở Hêghen, mà còn khắc phục được những hạn chế vốn có của phép biện chứng tự phát thời cổ đại mà Hêraclít là người sáng lập, làm cho *phép biện chứng duy vật* trở thành một *khoa học*. Khoa học đó, như Ph.Ăngghen đã khẳng định, là "khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy"(12).

Khoa học triết học này không chỉ là *thế giới quan khoa học* của giai cấp công nhân và nhân loại tiến bộ trong thời đại ngày nay, mà còn trở thành một sự cần thiết tuyệt đối, thành "hình thức tư duy quan trọng nhất", cao nhất, thích hợp nhất đối với sự phát triển của khoa học hiện đại. Nó đem lại cho các khoa học hiện đại những chức năng có ý nghĩa *phương pháp luận* trong việc xem xét, lý giải bản thân sự phát triển của mình. Không chỉ thế, với bản chất cách mạng và khoa học, nó còn đem lại một *cơ sở đúng đắn* cho việc luận chứng và giải thích những hiện tượng của đời sống xã hội, nhất là cho việc "*cải tạo thế giới*" hiện thực. Nó cũng đem lại cho chúng ta không chỉ *quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển* trong nhận thức, trong hoạt động thực tiễn, mà cả *quan điểm lịch sử - cụ thể* khi xem xét, giải quyết mọi vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Vận dụng triết học duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc xem xét xã hội, nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển xã hội loài người, C.Mác

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.3, tr.9, 10.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.3, tr.12.

(11) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.35-36.

(12) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.201.

không chỉ làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên hoàn bị, triệt để, mà còn hơn thế nữa, sáng lập ra *chủ nghĩa duy vật lịch sử* với tư cách "một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới". Khi khẳng định "*chủ nghĩa duy vật lịch sử* của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học", V.I.Lênin đã coi đó là "một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ". Lý luận này đã thay thế cho "sự lộn xộn và sự tùy tiện, vắn vỏi từ trước tới nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị", đồng thời chỉ cho chúng ta thấy rằng, "do chỗ lực lượng sản xuất lớn lên, thì từ một hình thức tổ chức đời sống xã hội này, nảy ra và phát triển lên như thế nào một hình thức tổ chức đời sống xã hội khác, cao hơn"(13).

Với việc phát hiện ra quan niệm duy vật về lịch sử, C.Mác không chỉ loại bỏ được khiếm khuyết căn bản của những lý luận lịch sử trước đó và "lần đầu tiên" giúp chúng ta "nghiên cứu một cách chính xác như khoa lịch sử tự nhiên, những điều kiện xã hội của đời sống quần chúng và những biến đổi của những điều kiện ấy", mà còn "mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn của các hình thái kinh tế xã hội"(14). Và, khi nghiên cứu một xã hội cụ thể - xã hội tư bản, với quan niệm này, C.Mác đã khám phá ra các quy luật của sự phát triển xã hội, xây dựng nên *học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội* và quan niệm về sự phát triển xã hội với tư cách một *quá trình lịch sử - tự nhiên*. Đúng như V.I.Lênin đã chỉ rõ, khi nghiên cứu xã hội tư bản với tư cách một chỉnh thể xã hội, C.Mác đã "làm nổi bật riêng lĩnh vực kinh tế" và trong tất cả mọi quan hệ xã hội, "làm nổi bật riêng những quan hệ sản xuất, coi đó là những quan hệ cơ bản, ban đầu và quyết định tất cả mọi quan hệ khác"; đồng thời, "đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những

quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất". Bằng cách đó, V.I.Lênin khẳng định, C.Mác đã "có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"(15).

Trong toàn bộ lịch sử tư tưởng xã hội, V.I.Lênin nhấn mạnh, quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác là một "quan niệm khoa học duy nhất về lịch sử", "một nguyên lý đã được chứng minh một cách khoa học" và do vậy, tư tưởng coi sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên của ông, "tự bản thân nó, cũng đã là một tư tưởng thiên tài rồi"(16).

"Triết học của chủ nghĩa Mác là *chủ nghĩa duy vật*". Khi xây dựng hệ thống triết học của mình, C.Mác không chỉ làm cho phép biện chứng duy vật trở thành một khoa học và sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, mà còn tạo ra bước ngoặt cách mạng trong quan niệm về con người và giải phóng con người.

Coi tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người - đó là con người phải có khả năng sống rồi mới có thể "làm ra lịch sử", C.Mác cho rằng, hành vi lịch sử đầu tiên của con người là "sản xuất ra bản thân đời sống vật chất". Với quan niệm này, khi phê phán quan điểm duy tâm tư biện của Hêghen về con người, C.Mác đã đưa ra quan niệm coi con người là một thực thể sinh học - xã hội hiện thực và khẳng định "*con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới*", mà "*con người chính là thế giới con người*, là nhà nước, là xã hội"(17).

(13) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.23, tr.53.

(14) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.26, tr.68.

(15) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.1, tr.159, 163.

(16) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.1, tr.166, 161.

(17) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.1, tr.569.

Với việc đặt ra theo một cách mới nhiệm vụ nhận thức đời sống xã hội hiện thực của con người, C.Mác đã triệt để phê phán quan điểm của Phoiơbác về con người. Và, khi phê phán Phoiơbác đã "hòa tan thế giới tôn giáo vào cơ sở trần tục của nó", "hòa tan bản chất tôn giáo vào bản chất con người", C.Mác đã khẳng định: "Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"(18).

Với luận điểm coi "giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người", C.Mác đã khẳng định rằng, "con người là một bộ phận của giới tự nhiên"(19). Song, hoạt động sinh sống của con người, theo C.Mác, là "hoạt động sinh sống có ý thức" và do vậy, bằng hoạt động lao động của mình, con người đã làm biến đổi bản chất tự nhiên và tạo ra bản chất xã hội của chính mình. Rằng, con người không chỉ sống trong môi trường tự nhiên, mà còn sống trong môi trường xã hội, nên tự nhiên và xã hội trong mỗi con người gắn bó khăng khít với nhau; yếu tố sinh học trong mỗi con người không phải tồn tại bên cạnh yếu tố xã hội, mà chúng hòa quyện vào nhau và tồn tại trong yếu tố xã hội; do vậy, bản tính tự nhiên được chuyển vào bản tính xã hội và được cải biến ở trong đó. Và, chỉ có trong xã hội, con người mới thể hiện bản chất tự nhiên và xã hội của mình; do vậy, tự nhiên và xã hội thống nhất với nhau trong bản chất con người, làm cho con người trở thành một chỉnh thể tồn tại với cả hai mặt tự nhiên và xã hội, hình thành nên mối quan hệ khăng khít: Con người - tự nhiên - xã hội.

Khẳng định "bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội", C.Mác còn tiến hành phân tích vị thế chủ thể, vai trò sáng tạo lịch sử của con người. Xem xét vị thế của con người trong tiến

trình phát triển của lịch sử, C.Mác đã đi đến quan niệm rằng, khuynh hướng chung của tiến trình phát triển lịch sử được quy định bởi sự phát triển của lực lượng sản xuất - "kết quả của nghị lực thực tiễn của con người". Hoạt động thực tiễn này, đến lượt nó, lại bị quy định bởi những điều kiện sinh tồn của con người, bởi "một hình thức xã hội đã tồn tại trước khi có những lực lượng sản xuất ấy". Mỗi thế hệ con người bao giờ cũng nhận được những lực lượng sản xuất do thế hệ trước tạo ra và sử dụng chúng làm phương tiện cho hoạt động sản xuất mới. Nhờ sự chuyển giao lực lượng sản xuất này mà con người đã "hình thành nên mối liên hệ trong lịch sử loài người, hình thành lịch sử loài người". Lực lượng sản xuất và do đó, cả quan hệ sản xuất - quan hệ xã hội của con người, ngày càng phát triển thì "lịch sử đó càng trở thành lịch sử loài người". Với quan niệm này, C.Mác kết luận: "Xã hội... là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người", "lịch sử xã hội của con người luôn chỉ là lịch sử của sự phát triển cá nhân của những con người"(20); và con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của tiến trình phát triển lịch sử, con người làm nên lịch sử của chính mình và do vậy, lịch sử là lịch sử của con người, do con người và vì con người.

Khẳng định bản chất xã hội của con người và vị thế chủ thể sáng tạo lịch sử của con người, C.Mác còn đi đến quan niệm rằng, trình độ giải phóng xã hội luôn được thể hiện ra ở sự tự do của xã hội; giải phóng cá nhân tạo ra động lực cho sự giải phóng xã hội và đến lượt mình, giải phóng xã hội lại trở thành điều kiện thiết yếu cho sự giải phóng cá nhân; con người tự giải phóng mình và qua đó, giải phóng xã hội, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

(18) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.3, tr.11.

(19) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.42, tr.135.

(20) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.27, tr.657, 658.

Rằng, con người được giải phóng và được tự do phát triển toàn diện - đó là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội mới, chế độ xã hội mà giai cấp vô sản cách mạng và chính đảng của nó có sứ mệnh phải xây dựng.

Với cách đặt vấn đề như vậy, C.Mác đã coi *giải phóng con người, phát triển con người toàn diện*, "phát triển sự phong phú của bản chất con người" là "*mục đích tự thân*" của sự phát triển và tiến bộ xã hội(21). Giải phóng con người, phát triển con người toàn diện cùng với phát triển lực lượng sản xuất là "phương hướng duy nhất" để không chỉ "làm tăng thêm nền sản xuất xã hội", mà còn để "sản xuất ra những con người phát triển toàn diện" và hơn nữa, còn là "một trong những biện pháp mạnh nhất" để cải biến xã hội hiện tồn, đưa cả cộng đồng nhân loại đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội(22).

Như vậy, có thể khẳng định, học thuyết Mác về con người và giải phóng con người chính là cái đã cùng với luận điểm của ông về sứ mệnh cao cả của triết học - không chỉ "*giải thích thế giới*", mà còn phải "*cải tạo thế giới*" bằng cách mạng và quan niệm duy vật về lịch sử mà ông là người đầu tiên phát hiện ra đã làm nên *một cuộc cách mạng vĩ đại* trong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại và mang lại cho triết học Mác *vinh quang tột đỉnh* của một học thuyết cách mạng triệt để và khoa học thật sự. Chính vì lẽ đó mà V.I.Lênin khẳng định học thuyết của C.Mác là "học thuyết vạn năng", "học thuyết chính xác", "học thuyết hoàn bị và chặt chẽ" đã cung cấp cho chúng ta "một thế giới quan hoàn chỉnh" để nhận thức và cải tạo thế giới; rằng "triết học của chủ nghĩa Mác là *chủ nghĩa duy vật*", "*chủ nghĩa duy vật lịch sử* của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học" và trong thời đại ngày nay - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, triết học Mác là học thuyết cách mạng nhất, khoa học nhất,

"nó cung cấp cho loài người ~~và nhất là~~ cho giai cấp công nhân những *công cụ nhận thức* vĩ đại"(23) để cải tạo và *xây dựng* chế độ xã hội mới.

Với tư cách một học thuyết cách mạng về bản chất, khoa học về thực chất, *triết học Mác* không chỉ có *giá trị lịch sử*, mà còn mang *ý nghĩa thời đại*, mang hơi thở và sức sống của thời đại và do vậy, không chỉ trường tồn trong thế kỷ XXI này, mà còn mãi *trường tồn với lịch sử nhân loại*.

Ý nghĩa thời đại và sức sống trường tồn của triết học Mác là ở chỗ, các giá trị bền vững trong hệ thống triết học này đã, đang và vẫn sẽ là cơ sở lý luận nền tảng, phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới bằng cách mạng; còn những hạn chế lịch sử trong một số luận điểm, quan điểm, tư tưởng cụ thể nào đó thì tự thân tính khoa học và bản chất cách mạng của hệ thống triết học này cũng đặt ra yêu cầu phải bổ sung và phát triển cho phù hợp với điều kiện mới.

Thật vậy, trong thời đại ngày nay, chỉ có triết học Mác mà hạt nhân của nó là phép biện chứng duy vật mới có khả năng giải đáp một cách khoa học những vấn đề mà tư tưởng tiến bộ của nhân loại đã đặt ra, soi sáng những nhiệm vụ lịch sử đã chín muồi của xã hội loài người - giải phóng con người và nhân loại, cải biến và xây dựng chế độ xã hội mới mà trong đó, tự do, công bằng, bình đẳng, dân chủ và văn minh là những giá trị nền tảng.

Không chỉ thế, triết học Mác với phát kiến vĩ đại là quan niệm duy vật về lịch sử mà nội dung cốt lõi là lý luận hình thái kinh tế - xã hội đã và vẫn đang cho thấy ý nghĩa thời đại và sức sống trường tồn của nó. Lý luận này của C.Mác, ngay từ khi mới ra đời, đã phải hứng chịu sự

(21) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.26, ph.II, tr.168.

(22) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.688.

(23) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.23, tr.54.

phê phán của những người phản đối, bác bỏ nó. Giờ đây, sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, sự phê phán đó lại càng trở nên quyết liệt hơn nữa với những lập luận về cái gọi là "quy luật chung", "con đường phát triển chung" mà tất cả các dân tộc, dù ở trong điều kiện lịch sử nào, cũng nhất thiết phải tuân theo. Thực tiễn lịch sử nhân loại cũng cho thấy rằng, sự phát triển của xã hội loài người theo các hình thái kinh tế - xã hội hay theo lịch sử thế giới đã không diễn ra một cách đơn tuyến hay theo một phương thức đặc thù nào đó. Trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, như Ph.Ăngghen nhận xét, những cái gì diễn ra không đúng theo ý nghĩa hình thái kinh tế - xã hội lại có thể đúng theo ý nghĩa lịch sử toàn thế giới. Con đường phát triển của các dân tộc, các quốc gia khác nhau đã diễn ra một cách không giống nhau và đó chính là biểu hiện của tính đa dạng, phong phú, phổ biến và tự biến đổi của lịch sử nhân loại mà C.Mác đã nói đến khi cho rằng, "xã hội ngày nay hoàn toàn không phải là một khối kết tinh vững chắc, mà một cơ thể có khả năng biến đổi và luôn ở trong quá trình biến đổi"(24). Tuy nhiên, trong sự phát triển khác nhau đó, vẫn chứa đựng một số quy luật chung và chính các quy luật này đã buộc các dân tộc, các quốc gia, trong khi phát triển một cách đa dạng, vẫn phải trải qua một số giai đoạn tương đồng nhau, kể cả dưới hình thức phát triển "rút ngắn", để cùng tạo nên những hình thái kinh tế - xã hội đan xen nhau, kế tiếp nhau của lịch sử thế giới. Bởi lẽ, như C.Mác đã khẳng định, "sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên" và "một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó,... cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn

đó", mặc dầu nó "có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ"(25).

Do vậy, có thể nói, trong thời đại ngày nay, trước sự phát triển hết sức đa dạng và vô cùng phức tạp của các dân tộc, các quốc gia thì quan niệm duy vật về lịch sử mà nội dung cốt lõi là lý luận hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác vẫn cứ là công cụ sắc bén nhất giúp chúng ta nhận thức và tìm ra tiến trình vận động và phát triển của xã hội loài người. Và, hơn nữa, với lý luận này của C.Mác, chúng ta vẫn hoàn toàn có thể tin tưởng vững chắc rằng, dẫu lịch sử nhân loại ngày nay có phải trải qua sự vận động và phát triển với những khúc quanh co, phức tạp, kể cả bước thụt lùi, thì xu hướng chung của nó vẫn cứ diễn ra theo con đường lịch sử - tự nhiên là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội và đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn là một tất yếu khách quan, bởi đó là quy luật tiến hóa của lịch sử nhân loại.

Cùng với phép biện chứng duy vật và quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết Mác về con người và giải phóng con người, giải phóng nhân loại cũng là cái làm nên ý nghĩa thời đại và sức sống trường tồn của triết học Mác. Bởi lẽ, như thực tiễn lịch sử phát triển nhân loại đã chứng tỏ, mọi sự phát triển của xã hội sẽ chẳng có ý nghĩa gì và cũng chẳng là gì cả, nếu ở đó con người không được giải phóng, con người không được tự do phát triển những năng khiếu thể chất và trí lực của mình. Thực tiễn lịch sử phát triển nhân loại cũng cho thấy học thuyết Mác về con người, về giải phóng con người và nhân loại khỏi mọi sự tha hóa để con người được tự do phát triển, được sống với bản chất người đích thực, với chữ Người viết hoa vẫn còn nguyên giá trị trong đại ngày nay, vẫn là nguồn cổ vũ, khích lệ,

(24) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.22.

(25) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.21.

thúc đẩy và là kim chỉ nam dẫn đường cho chúng ta trong cuộc đấu tranh vì con người, cho con người và giải phóng con người, giải phóng nhân loại, vẫn soi sáng con đường cách mạng tự giải phóng của nhân loại tiến bộ trên thế giới. Rằng, học thuyết này, ý nghĩa nhân đạo và giá trị nhân văn của nó, luận điểm nổi tiếng của C.Mác về "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" và lý tưởng cao cả, mục đích duy nhất mà ông hướng tới là đưa "con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do" càng chứng tỏ triết học Mác duy nhất là *triết học nhân văn tích cực, triết học nhân văn hiện thực*, có khả năng cải tạo thế giới và do vậy, triết học đó luôn mang ý nghĩa thời đại và mãi trường tồn với lịch sử nhân loại.

"Mọi triết học chân chính đều là tinh hoa về mặt tinh thần của thời đại mình"(26). C.Mác đã khẳng định như vậy. *Triết học Mác* cũng thế, nó là "*tinh hoa của thời đại chúng ta*". Triết học Mác, với hạt nhân là phép biện chứng duy vật - khoa học về những quy luật phổ biến nhất của tự nhiên, của xã hội và của tư duy con người, với quan niệm duy vật về lịch sử - thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học, lấy con người làm trung tâm, lấy giải phóng con người, giải phóng nhân loại và phát triển con người toàn diện làm mục tiêu cuối cùng, không chỉ là "tinh hoa" của thời đại chúng ta - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mà còn là *tinh hoa trí tuệ của toàn nhân loại*, là sự kết tinh những tinh hoa tư tưởng triết học của nhân loại trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của nó. Với tư cách đó, triết học Mác không chỉ mang ý nghĩa thời đại, mà còn mãi trường tồn với lịch sử nhân loại.

Cái làm nên giá trị và sức sống trường tồn của triết học Mác không chỉ ở bản chất cách mạng triệt để và tính khoa học thật sự sâu sắc của nó, ở vai trò thế giới

quan và phương pháp luận của nó - kim chỉ nam cho hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới của cả nhân loại tiến bộ, mà còn ở sự *thống nhất hữu cơ giữa lý luận và thực tiễn* - cái mà C.Mác luôn coi là nguyên tắc nên tảng khi xây dựng học thuyết của mình. Chính C.Mác đã đưa phạm trù *thực tiễn* vào triết học và coi đó là cơ sở, là động lực, là mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn khách quan, tối cao của chân lý. Với phạm trù thực tiễn này và khi coi sự thống nhất hữu cơ giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc nên tảng trong hệ thống triết học của mình, C.Mác luôn nhấn mạnh rằng, triết học của ông, học thuyết của ông không phải là giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động.

Không chỉ thế, cái làm nên giá trị và sức sống trường tồn của triết học Mác còn ở sự *thống nhất giữa tính mở, tính phát triển của hệ thống lý luận và tính ổn định của lập trường duy vật biện chứng, ý nghĩa phương pháp luận* của nó. Toàn bộ hệ thống triết học của C.Mác là một hệ thống lý luận mở và phát triển, không khép kín, không ngưng đọng và bất biến. Tính mở và phát triển của triết học Mác được thể hiện ở chỗ, nó luôn hướng về thực tiễn - xã hội và lịch sử, hướng về thời đại, về tương lai, chứ tuyệt nhiên không phải là thứ lý luận kinh viện. Chính C.Mác, khi coi mọi triết học chân chính đều là "tinh hoa" của thời đại, đã khẳng định rằng, với tư cách đó, "triết học, không chỉ về bên trong, theo nội dung của nó, mà cả về bên ngoài, theo sự biểu hiện của nó", luôn tiếp cận và tác động qua lại với thế giới hiện thực ở thời đại mình; khi đó, "triết học sẽ không còn là một hệ thống nhất định đối với các hệ thống nhất định khác, nó trở thành triết học nói chung đối với thế giới, trở thành triết học của thế giới hiện đại..., trở thành linh hồn sống của văn hóa,... thành triết học thế tục, còn thế giới thì

(26) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.1, tr.157.

trở thành thế giới triết học". Rằng, "triết học không hứa hẹn gì cả ngoài chân lý..., triết học không đòi hỏi tin tưởng vào các kết luận của nó, nó đòi hỏi kiểm nghiệm những điều hoài nghi"(27). Triết học Mác là một lý luận như thế. Nó không những không lảng tránh, mà còn luôn nhìn thẳng vào sự thật, lấy cái bất biến là thế giới quan duy vật biện chứng và ý nghĩa phương pháp luận để hướng dẫn, giải quyết những vấn đề cơ bản và bức thiết do thực tiễn, do hiện thực cuộc sống đặt ra; đồng thời nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, khái quát lý luận và dự báo tương lai. Triết học Mác đối xử với các hệ thống triết học khác cũng theo cách đó, theo tinh thần đó để không bác bỏ chúng một cách sạch trơn, mà kế thừa những hạt nhân hợp lý, những tinh hoa của chúng. Chính vì thế mà triết học Mác có khả năng tự đổi mới và phát triển, trở thành kim chỉ nam cho hành động, mở đường và hướng dẫn nhân loại tiến bộ tiếp tục tìm kiếm và nhận thức chân lý, chứ không đi tới chân lý tuyệt đỉnh, cuối cùng.

Triết học Mác là một hệ thống mở và phát triển, chứ không phải là cái gì đó nhất thành bất biến và do vậy, trong nó còn có những hạn chế nào đó cần phải khắc phục, bổ sung, phát triển thêm thì đó cũng là lẽ tất yếu. C.Mác là một nhà bác học vĩ đại, nhà tư tưởng thiên tài, nhưng ông cũng là "sản phẩm của thời đại của mình" và do vậy, ông vẫn bị quy định bởi chính những điều kiện lịch sử của thời đại mình nên không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Những hạn chế nào đó trong triết học Mác là do lịch sử thời đại quy định, song chúng tuyệt nhiên không làm giảm giá trị thế giới quan và phương pháp luận, giá trị gợi mở và định hướng cũng như bản chất cách mạng và tính khoa học của nó.

Hiện nay, do bối cảnh lịch sử quy định và do những biến cố hiện thời của lịch sử nhân loại, một số luận điểm, quan niệm nào đó của C.Mác đã trở nên không còn

thích hợp với điều kiện lịch sử mới, song không phải vì thế mà triết học Mác mất đi ý nghĩa thời đại của nó. Bản chất cách mạng và tính khoa học của nó vẫn mãi trường tồn với lịch sử nhân loại, vẫn là cơ sở nền tảng để có thể khẳng định "kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin là vấn đề có tính nguyên tắc số một" đối với chúng ta trong công cuộc đổi mới đất nước.

Ý nghĩa thời đại và sức sống trường tồn của triết học Mác chính là cơ sở để chúng ta khẳng định xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà Đảng ta đã xác định khi lựa chọn con đường đổi mới là hoàn toàn đúng đắn và có cơ sở khoa học. Sự đúng đắn và cơ sở khoa học đó bắt nguồn từ bản chất cách mạng và tính khoa học của triết học Mác. Chúng ta kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, triết học Mác - Lênin không có nghĩa là áp dụng một cách nguyên xi, máy móc, mà là vận dụng một cách khoa học và sáng tạo những tư tưởng, nguyên lý, quy luật nền tảng của nó trong những điều kiện lịch sử mới và phù hợp với thực tiễn đất nước. Những thành công rất đáng tự hào của hơn 20 năm đổi mới đã chứng minh điều đó.

Do vậy, có thể nói, đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với việc kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở nhận thức lại, nhận thức đúng và phát triển sáng tạo những nguyên lý cơ bản của triết học Mác nói riêng, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, thông qua nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn thời đại, thực tiễn đổi mới ở Việt Nam không chỉ là quá trình thống nhất hữu cơ lý luận với thực tiễn, là vấn đề hết sức cần thiết, mang cả ý nghĩa lý luận lẫn ý nghĩa thực tiễn cấp bách, mà còn là phương thức đúng đắn để triết học Mác mãi mang ý nghĩa thời đại và sức sống trường tồn của nó với thời đại chúng ta. □

(27) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.1, tr.157, 159.